

Số: /QĐ-SNN

Ninh Bình, ngày tháng năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố lại Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp
Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015

GIÁM ĐỐC SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT TỈNH NINH BÌNH

Căn cứ Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2014/TT-BKHHCN ngày 10/10/2014 Quy định chi tiết thi hành Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 101/QĐ-BKHHCN ngày 21/01/2019 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc công bố Mô hình khung Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước tại địa phương;

Căn cứ Quyết định số 37/2015/QĐ-UBND ngày 28/12/2015 của UBND tỉnh Ninh Bình về việc ban hành chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức và biên chế của Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Ninh Bình;

Căn cứ Quyết định số 44/2021/QĐ-UBND ngày 19/8/2021 của UBND tỉnh Ninh Bình về ban hành quy định cơ cấu tổ chức của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Ninh Bình;

Căn cứ Văn bản xác nhận của Phó Giám đốc Sở ngày 25/10/2022 về việc xác nhận Hệ thống quản lý chất lượng được áp dụng tại Sở Nông nghiệp và PTNT;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Sở Nông nghiệp và PTNT.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố lại Hệ thống quản lý chất lượng tại Cơ quan Sở Nông nghiệp và PTNT phù hợp Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 theo quy định tại Quyết định số 101/QĐ-BKHHCN ngày 21/01/2019 của Bộ Khoa học và Công nghệ đối với các lĩnh vực hoạt động trong Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 423/QĐ-SNN ngày 29/7/2022 của Sở Nông nghiệp và PTNT.

Điều 3. Chánh Văn phòng Sở; Trưởng các Phòng thuộc Sở; Ban chỉ đạo ISO của Sở; Cán bộ, công chức, viên chức Cơ quan Sở và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Sở Khoa học và Công nghệ;
- Lãnh đạo Sở;
- Các Phòng thuộc Sở;
- Lưu : VT, VP.

HTTM

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Thanh Bình

Phụ lục
CÁC LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ QUAN
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT NINH BÌNH ĐƯỢC CÔNG BỐ
PHÙ HỢP TIÊU CHUẨN QUỐC GIA TCVN ISO 9001:2015
(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-SNN ngày tháng năm 2022
của Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT)

STT	Tên tài liệu
I. Thủ tục theo mô hình hệ thống quản lý chất lượng	
1.	Chính sách chất lượng
2.	Mục tiêu chất lượng
3.	Bản mô tả mô hình Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015
4.	Quy trình kiểm soát thông tin dạng văn bản (tài liệu và hồ sơ)
5.	Quy trình quản lý rủi ro và cơ hội
6.	Quy trình đánh giá nội bộ hệ thống quản lý chất lượng
7.	Quy trình kiểm soát sự không phù hợp và hành động khắc phục
II. Quy trình giải quyết TTHC	
1. Lĩnh vực Đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn (01 quy trình)	
8.	Quy trình nghiệm thu hoàn thành các hạng mục đầu tư hoặc toàn bộ dự án được hỗ trợ đầu tư theo Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ
2. Lĩnh vực Hoạt động xây dựng (02 quy trình)	
9.	Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/ điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng
10.	Thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở/ điều chỉnh thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở

STT	Tên tài liệu
3. Lĩnh vực Quản lý chất lượng công trình xây dựng (01 quy trình)	
11.	Thủ tục kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành công trình (đối với các công trình trên địa bàn thuộc trách nhiệm quản lý của Sở Xây dựng, Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành, trừ các công trình thuộc thẩm quyền kiểm tra của Hội đồng kiểm tra nhà nước về công tác nghiệm thu công trình xây dựng và Cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc Bộ Xây dựng, Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành)
4. Lĩnh vực Quản lý công sản (11 quy trình)	
12.	Quyết định mua sắm tài sản công phục vụ hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị trong trường hợp không phải lập thành dự án đầu tư
13.	Quyết định chuyển đổi công năng sử dụng tài sản công trong trường hợp không thay đổi đối tượng quản lý, sử dụng tài sản công
14.	Quyết định thu hồi tài sản công trong trường hợp cơ quan nhà nước được giao quản lý, sử dụng tài sản công tự nguyện trả lại tài sản cho Nhà nước
15.	Quyết định thu hồi tài sản công trong trường hợp thu hồi tài sản công theo quy định tại các Điểm c,d,đ và e Khoản 1 Điều 41 của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công
16.	Quyết định điều chuyển tài sản công
17.	Quyết định bán tài sản công
18.	Quyết định bán tài sản công cho người duy nhất theo quy định tại Khoản 2 Điều 25 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ
19.	Quyết định hủy bỏ quyết định bán đấu giá tài sản công
20.	Quyết định thanh lý tài sản công
21.	Quyết định tiêu hủy tài sản công
22.	Quyết định xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại
5. Lĩnh vực Khoa học công nghệ và Môi trường (03 quy trình)	
23.	Công nhận doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao
24.	Công nhận lại doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao
25.	Thủ tục Phê duyệt kế hoạch khuyến nông địa phương

STT	Tên tài liệu
6. Lĩnh vực giải quyết khiếu nại (02 quy trình)	
26.	Giải quyết khiếu nại lần đầu tại cấp tỉnh
27.	Giải quyết khiếu nại lần 2 tại cấp tỉnh
7. Lĩnh vực giải quyết tố cáo (01 quy trình)	
28.	Giải quyết tố cáo tại cấp tỉnh
8. Lĩnh vực tiếp công dân (01 quy trình)	
29.	Tiếp công dân tại tỉnh
9. Lĩnh vực xử lý đơn thư (01 quy trình)	
30.	Xử lý đơn tại cấp tỉnh
10. Lĩnh vực Phòng, chống tham nhũng (04 quy trình)	
31.	Kê khai tài sản, thu nhập
32.	Công khai bản kê khai tài sản, thu nhập
33.	Tiếp nhận yêu cầu giải trình
34.	Thực hiện việc giải trình
11. Lĩnh vực Viên chức (04 quy trình)	
35.	Thi tuyển viên chức
36.	Xét tuyển viên chức
37.	Tiếp nhận vào làm viên chức
38.	Thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức
III. Quy trình quản lý nội bộ	
39.	Quy trình quản lý công văn đi, đến
40.	Quy trình Lưu trữ hồ sơ tài liệu
41.	Quy trình họp, xem xét của lãnh đạo
42.	Quy trình Đo lường sự thỏa mãn của khách hàng
43.	Quy trình giải quyết hồ sơ theo cơ chế một cửa
44.	Quy trình tiếp nhận và giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính theo quy trình nội bộ trên Cổng dịch vụ công trực tuyến của tỉnh

STT	Tên tài liệu
45.	Quy trình kiểm soát, rà soát thủ tục hành chính
46.	Quy trình công khai xin lỗi tổ chức, cá nhân khi tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính bị sai sót, quá hạn
47.	Quy trình quản lý, vận hành và sử dụng phần mềm quản lý văn bản và điều hành (VNPT - ioffice)
48.	Quy trình quản lý, sử dụng chữ ký số chuyên dùng trong việc gửi, nhận và sử dụng văn bản điện tử tại Sở Nông nghiệp và PTNT
49.	Quy trình trao đổi, xử lý, lưu trữ văn bản điện tử trong hoạt động của Sở Nông nghiệp và PTNT
50.	Quy trình Quản lý và sử dụng xe công
51.	Quy trình Mua sắm quản lý tài sản, trang thiết bị cơ quan
52.	Quy trình Tạm ứng, thanh toán
53.	Quy trình đánh giá cán bộ công chức, viên chức
54.	Quy trình bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, luân chuyển cán bộ, công chức lãnh đạo do Sở quản lý
55.	Quy trình đào tạo bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức
56.	Quy trình bình xét thi đua, khen thưởng, kỷ luật